

Bản án số: 143/2022/HS-ST

Ngày: 16/8/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thiện N

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị O

Ông Nguyễn Việt C

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai T, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy D, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2022/HSST ngày 13/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXXST-HS ngày 01/8/2022, đối với bị cáo:

**Bùi Văn T**, sinh năm 1993 tại Hà Nam; Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C và bà Bùi Thị L; **Tiền án, tiền sự:** Không; Danh chỉ bản số 133 ngày 07/02/2022, tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2022; Có mặt.

**\* Bị hại:** Anh Phạm Đăng H, sinh năm 1977; ĐKKHKT: Số 87, tổ 32, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Phạm Đăng H (sinh năm: 1977, HKTT: Số 87 tổ 32, phường Y, Cầu Giấy, Hà Nội) làm nghề kinh doanh cho thuê lại các khu nhà trọ. Ngày 01/6/2021, anh H thuê Bùi Văn T làm quản lý khu nhà trọ tại số 12 ngõ 322/95/29 đường M, phường M1, Nam Từ Liêm, Hà Nội và khu nhà trọ tại số 1 ngõ 87/46/12 đường Y, xóm Đ, xã T, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Theo thỏa thuận giữa anh H và T tại Biên bản thỏa thuận kết hợp công việc ngày 01/06/2021 thì T không được trực tiếp ký hợp đồng thuê phòng với khách hàng, hàng tháng T phải đôn đốc khách hàng thanh toán chi phí thuê trọ khi đến kỳ thanh toán, mọi khoản tiền của khách hàng chuyển cho anh H phải được chuyển khoản qua tài khoản 0909000166868 của anh H, nếu khách thanh

toán bằng tiền mặt thì T phải có phiếu thu sau đó phải chuyển tiền thu được trong ngày phát sinh giao dịch đó về cho anh H không quá 24 giờ kể từ khi T nhận tiền của khách. Anh H do bận công việc và do tin tưởng T nên anh H ít khi kiểm tra việc T quản lý và thu tiền của khách.

Khoảng tháng 9/2021, Bùi Văn T do cần tiền và lợi dụng việc anh H tin tưởng, ít kiểm tra công việc nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền cho thuê nhà của anh H tại nhà trọ ở số 1 ngõ 87/46/12 đường Y, xóm Đ, xã T, huyện Thanh Trì, Hà Nội và số 12 ngõ 322/95/29 đường M, phường M 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội bằng cách tự ý yêu cầu các khách trọ thanh toán tiền thuê trọ bằng tiền mặt cho T hoặc chuyển khoản vào số tài khoản 1014482660 tại ngân hàng Vietcombank hoặc số 108869639929 tại ngân hàng Vietinbank của T và nói dối với anh H là khách chưa trả hoặc không có khách thuê để chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Ngày 18/9/2021, anh H phát hiện sự việc thì T thừa nhận đã chiếm đoạt tiền cho thuê nhà của khách thuê đã thanh toán để tiêu sài cá nhân và T tự làm giấy xác nhận số tiền đã chiếm đoạt của 13 khách, với tổng số tiền là 70.636.800 đồng, gồm: chị Đỗ Thị Thùy T1 đã thanh toán tiền thuê trọ (phòng 306 và phòng 603 Y) bằng tiền mặt cho T là 7.680.000 đồng; anh Lưu Quang T2 (SN 1998, HKTT: xóm T, xã H, Nam Trực, Nam Định) chuyển khoản 5.743.950 đồng; anh Bạch Công T3 (SN 1999, xã T, P, Quốc Oai, Hà Nội) chuyển khoản 5.737.400 đồng; chị Lê Thị H (SN 1999, Q 1, xã T, Thiệu Hóa, Thanh Hóa) chuyển khoản 4.545.650 đồng; anh Lê Hải C (SN 1996, trú tại H, Móng Cái, Quảng Ninh) chuyển khoản 3.864.550 đồng; anh Nguyễn Tùng S (SN 1995, trú tại phố Đ, N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình) chuyển khoản 7.065.950 đồng; chị Giàng Thị P (SN 1999, HKTT: S, Tòa Chùa, Điện Biên) chuyển khoản 6.857.900 đồng; anh Hoàng Văn B (SN 1999, HKTT: xã L, Yên Dũng, Bắc Giang) chuyển khoản 4.600.000 đồng; chị Đặng Thị H (SN 1995, trú tại F, số 2, N, Nam Từ Liêm, Hà Nội) chuyển khoản 5.700.000 đồng; anh Nguyễn Trung Đ (SN 1997, trú tại T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) chuyển khoản 5.204.000 đồng; chị Trần Thị G (SN 1996, thôn L, xã Đ, Lập Thạch, Vĩnh Phúc) chuyển khoản 4.340.000 đồng; Anh Mai Thanh H (SN 1996, HKTT: xóm H, xã X, Xuân Trường, Nam Định) chuyển khoản 9.300.000 đồng. Sau đó T đã nhờ gia đình khắc phục trả lại cho anh H số tiền 35.000.000 đồng, số còn lại T hứa sẽ khắc phục dần nên anh H vẫn tin tưởng và tiếp tục cho T làm việc như thỏa thuận ban đầu.

Sau đó, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022, T tiếp tục chiếm đoạt số tiền của khách thuê nhà đã thanh toán tiền thuê phòng với tổng số tiền là 120.165.000 đồng bằng thủ đoạn: T nói dối với anh H là 06 phòng tại nhà trọ ở số 12 ngõ 322/95/29 đường M, phường M 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội không có khách thuê đồng thời trực tiếp đứng ra ký hợp đồng thuê trọ và trực tiếp thu tiền của khách sau đó chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Ngày 10/01/2022, anh H đi kiểm tra phòng trọ thì phát hiện sự việc nên T đã thừa nhận và viết giấy xác nhận số tiền chiếm đoạt của khách hàng lần thứ 2, gồm: chị Lê Minh A (SN 1996, HKTT: thị trấn V, Thạch Thành, Thanh Hóa) là 12.000.000 đồng; chị Lê Thùy T4 (tên gọi khác Trang A, SN 1995, HKTT: tổ 16, khu 7, B, Ưông Bí, Quảng Ninh) là 16.966.000 đồng; chị Ngô Minh

Thùy D (SN 2000, trú tại: thôn 1, G, Thủy Nguyên, Hải Phòng) là 22.669.000 đồng; chị Chu Thanh H (SN 1998, HKTT: 32, Hà Trung, Hoàn Kiếm, Hà Nội) là 24.462.000 đồng; anh Nguyễn Xuân B (SN 1993, HKTT: Tân Hòa, Hưng Hà, Thái Bình) là 19.208.000 đồng và chị Nguyễn Thị Ánh N (SN 2000, HKTT: xóm L, P, Thanh Chương, Nghệ An) là 24.860.000 đồng. Do T đã tiêu sài cá nhân hết, không có khả năng khắc phục nên T xin anh H cho về quê bàn với gia đình khắc phục trả tiền cho anh H nên anh H đồng ý và chưa trình báo cơ quan công an. Sau đó, do anh H không liên lạc được với T nên ngày 20/01/2022, anh H đã đến Công an phường M 1 gửi đơn tố giác Bùi Văn T chiếm đoạt 190.801.800 đồng tiền cho thuê trọ của anh và giao nộp 02 (hai) giấy xác nhận của T về số tiền đã chiếm đoạt. Tối cùng ngày, T biết anh H đã trình báo sự việc nên T đã đến trụ sở Công an phường M1 xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Samsung Galaxy A9 màu xanh, sim số 08533333.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết chữ ký của Bùi Văn T trên “Biên bản thỏa thuận kết hợp công việc ngày 1/6/2022”; “Giấy xác nhận số tiền đã chiếm đoạt của khách hàng ngày 18/9/2021” và “Giấy xác nhận số tiền đã chiếm đoạt của khách hàng lần thứ 2 ngày 10/1/2022”. Tại Kết luận giám định số 1935/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật Hình sự- Công an thành phố Hà Nội ngày 29/3/2022, xác định: ***Chữ ký dạng chữ viết “T”, chữ viết dòng họ tên Bùi Văn T dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Văn T trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là chữ do cùng một người viết ra.***

Đối với 18 khách thuê trọ đã trả tiền thuê nhà cho T, T khai do khi đến thuê trọ, khách đều làm việc với T về tiền phòng, tiền điện nước, tiền vệ sinh và không gặp trực tiếp anh H nên tin tưởng trả tiền thuê phòng cho T. Cơ quan điều tra xác minh, lấy lời khai của các khách trọ trong hai danh sách xác nhận tiền chiếm đoạt, xác định được như sau:

1. Anh Lưu Quang T2 khai chỉ chuyển khoản cho T số tiền thuê phòng thực tế là 3.125.000 đồng vào ngày 5/9/2021 (giấy T xác nhận chiếm đoạt là 5.743.950 đồng), do thời gian đã lâu nên anh không nhớ cụ thể nội dung sự việc liên quan, phù hợp với sao kê tài khoản của T.

2. Anh Bạch Công T3 khai không chuyển khoản tiền thuê phòng cho T vào tháng 9/2021, do thời gian đã lâu nên anh Thắng không nhớ cụ thể nội dung sự việc liên quan (lời khai của anh T3 phù hợp với sao kê tài khoản của T thể hiện không có tài khoản chuyển tiền của anh Thắng).

3. Chị Lê Thị H khai chuyển khoản cho T 4.015.000 đồng vào ngày 6/9/2021 (lệch so với xác nhận của T tại giấy xác nhận tiền chiếm đoạt: 4.545.650 đồng), ngoài ra chị Hiền không chuyển số tiền nào khác cho T trong tháng 9/2021 (phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị H khai và chuyển khoản).

4. Anh Lê Hải Chiến khai chuyển khoản cho T 3.861.550 đồng vào ngày 2/9/2021 (không phải là 3.864.550 đồng như T đã xác nhận chiếm đoạt). Số tiền anh Chiến khai trên là phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền anh Chiến đã chuyển khoản).

5. Anh Nguyễn Tùng S khai chỉ chuyển khoản cho T 3.066.000 đồng vào ngày 2/9/2021 (không phải như giấy xác nhận của T về số tiền chiếm đoạt là 7.065.950 đồng), ngoài ra anh S không chuyển khoản tiền nào khác cho T vào tháng 9/2021 (phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền anh S đã chuyển khoản).

6. Chị Giàng Thị P khai chuyển khoản cho T tiền thuê trọ tháng 9/2021 là 3.717.000 đồng vào ngày 8/9/2021 (không phải như giấy xác nhận của T về số tiền chiếm đoạt là 6.857.900 đồng), tiền thuê trọ tháng 9/2021 là 3.717.000 đồng, ngoài ra chị không chuyển khoản tiền nào khác (phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị P chuyển khoản).

7. Anh Hoàng Văn B khai không chuyển khoản tiền thuê nhà nào cho T vào tháng 9/2021 (tại giấy xác nhận tiền T khai đã nhận là 4.600.000 đồng), do thời gian đã lâu nên anh B không nhớ nội dung vụ việc - phù hợp với sao kê tài khoản của T (không có khoản chuyển tiền của anh B).

8. Chị Đặng Thị H khai chị H không chuyển khoản tiền thuê nhà nào cho T vào tháng 9/2021 (tại giấy xác nhận T xác nhận đã nhận là 4.600.000 đồng), do thời gian đã lâu nên chị không nhớ sự việc liên quan (phù hợp với sao kê tài khoản của T xác định không có việc chuyển khoản tiền của chị H).

9. Anh Nguyễn Trung Đ khai anh Đ không chuyển khoản tiền thuê nhà nào cho T vào tháng 9/2021 (tại giấy xác nhận, T nhận đã chiếm đoạt là 5.204.000 đồng), do thời gian đã lâu nên anh Đ không nhớ sự việc liên quan (phù hợp với sao kê tài khoản của T: không có việc chuyển khoản tiền của anh Đ).

10. Chị Trần Thị G khai và xác nhận đã chuyển khoản cho T số tiền thuê nhà là 4.300.000 đồng vào ngày 8/9/2021 (T xác nhận tại giấy xác nhận số tiền chiếm đoạt là: 4.340.000 đồng), ngoài ra chị G không chuyển khoản tiền nào khác (phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị G đã chuyển khoản).

11. Anh Mai Thanh H khai và xác nhận đã chuyển khoản cho T 9.134.000 đồng vào ngày 2/9/2021 (số tiền T xác nhận tại giấy xác nhận là: 9.300.000 đồng). Tại cơ quan điều tra, anh H khai vào tháng 9/2021 anh phải thanh toán cho T 9.313.600 đồng sau đó anh được T miễn phí dịch vụ 180.000 đồng nên anh đã chuyển khoản cho T 9.134.000 đồng (phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền anh H đã chuyển khoản).

12. Chị Lê Minh A khai chuyển khoản cho T tiền thuê nhà từ tháng 10/2021 đến tháng 1/2022 số tiền là 12.000.000 đồng (phù hợp với giấy xác nhận của T và sao kê tài khoản của T về số tiền chị Minh A chuyển).

13. Chị Lê Thùy T4 khai chuyển khoản cho T tiền thuê nhà từ tháng 10/2021 đến tháng 1/2022 là 18.466.500 đồng (tại giấy xác nhận T ghi là Trang

A với số tiền chiếm đoạt là 16.966.000 đồng), phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị T4 đã chuyển khoản, thanh toán tiền thuê nhà). Như vậy số tiền thuê nhà T đã chiếm đoạt là 18.466.500 đồng.

14. Chị Ngô Minh Thùy D khai đã chuyển khoản cho T tiền thuê nhà từ tháng 10/2021 đến tháng 1/2022 là 27.669.000 đồng (gồm tiền phòng, tiền chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tiền nước, tiền internet, tiền dịch vụ, tiền cọc) phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị D đã chuyển khoản.

15. Chị Chu Thanh H khai chuyển khoản cho T số tiền 24.283.000 đồng thuê nhà từ tháng 10/2021 đến tháng 1/2022 (lệch với giấy xác nhận tiền chiếm đoạt 24.462.000 đồng), phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị H đã chuyển khoản nên số tiền T đã chiếm đoạt là 24.283.000 đồng.

16. Anh Nguyễn Xuân B khai đã chuyển khoản cho T 19.208.000 đồng (tiền thuê phòng từ tháng 10/2021 đến tháng 1/2022), phù hợp với giấy xác nhận tiền chiếm đoạt và phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền anh B đã chuyển khoản.

17. Chị Nguyễn Thị Ánh N khai đã chuyển khoản cho T 24.861.000 đồng tiền thuê nhà từ 10/2021 đến tháng 1/2022 (lệch với giấy xác nhận: tiền chiếm đoạt là 24.860.000 đồng, trong danh sách T đề tên là Nguyễn Thị L (do T nhớ nhầm tên của chị N)), phù hợp với sao kê tài khoản của T về số tiền chị N đã chuyển khoản.

18. Đối với chị Đỗ Thị Thùy T1 (là khách thuê đã thanh toán tiền thuê phòng 306 Y và phòng 603 Y) có sử dụng số điện thoại 0868134496. Cơ quan điều tra đã xác minh, xác định chủ thuê bao số điện thoại trên là ông Trần Văn T (SN 1959, địa chỉ: K, xã Đ, Phú Xuyên, Hà Nội). Ông T khai không sử dụng số điện thoại này và không biết chị Đỗ Thị Thùy T1 là ai. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng tin trên phương tiện đại chúng nhưng đến nay vẫn không có thông tin của chị T1 nên không có cơ sở để kết luận.

Như vậy, tổng số tiền cho thuê nhà Bùi Văn T thực tế chiếm đoạt của anh Phạm Đăng H là 152.706.150 đồng (không phải là số tiền 190.801.800 đồng như T đã kê trong hai giấy xác nhận tiền đã chiếm đoạt của khách), giảm so với T kê khai là 38.095.650 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai do nhà trọ của anh H nhiều khách nên khi T ghi vào sổ sách của nhà trọ bị nhầm lẫn (Sổ sách này sau khi không làm nữa, T đã hủy bỏ không còn lưu giữ), dẫn đến khi anh H yêu cầu T tự thống kê số tiền chiếm đoạt theo sổ sách trên cũng bị nhầm lẫn theo và khi thống kê, T cũng không kiểm tra sao kê tài khoản của mình nên đã kê không chính xác.

Ngày 31/1/2022, Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm lập biên bản trao đổi về thẩm quyền giải quyết vụ án với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Trì, xác định anh Phạm Đăng H không có đơn trình báo tại công an huyện Thanh Trì; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Trì đề nghị công an quận Nam Từ Liêm giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**Về dân sự:** Ngày 28/9/2021 và ngày 10/11/2021, Bùi Văn T đã khắc phục bồi thường trả cho anh Phạm Đăng H 35.000.000 đồng nên anh H yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là 117.706.150 đồng.

Bản Cáo trạng số 146/CT-VKSNTL ngày 12/7/2022 của Viện kiểm sát nhân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Bùi Văn T về “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của các bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 05 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về dân sự: anh Phạm Đăng H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 117.706.150.000 đồng đề nghị chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải bồi thường. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A9 màu xanh có liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Bùi Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Trong tháng 9/2021 và từ tháng 10/2021 đến tháng 1/2022, tại khu nhà trọ số 1 ngõ 87/46/12 đường Y, xóm Đ, xã T, huyện Thanh Trì, Hà Nội và tại nhà trọ số nhà 12 ngõ 322/95/29 đường M, phường M 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Bùi Văn T đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Phạm Đăng H trong việc giao cho T đứng ra quản lý và thu tiền cho thuê nhà trọ, Bùi Văn T đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 152.706.150 đồng (là tiền của 17 khách thuê nhà trả tiền thuê nhà cho T nhưng không nộp lại cho anh Phạm Đăng H theo thỏa thuận mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết) của anh Phạm Đăng H.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[2] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường một phần cho bị hại,

bị cáo đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

[3] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên thì có đủ căn cứ áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự với mức án thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về dân sự, các biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường của bị hại là anh Phạm Đăng H, không có ý kiến gì nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Đăng H số tiền 117.706.150 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 175, các Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2022.

- Về dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn T bồi thường cho anh Phạm Đăng H số tiền 117.706.150 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại Samsung Galaxy A9 màu xanh dương, Imei 1: 359933097949019, Imei 2: 359934097949017, điện thoại cũ đã qua sử dụng, có lắp sim. (Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm theo Biên bản giao vật chứng số 187 ngày 13/07/2022).

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 5.885.308 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận :**

- Bị cáo bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Công an Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Bộ phận THAHS TAND Q. Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**